

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 831/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2019

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Lê Thọ Viên
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Bà Lê Thị Nhung
	Ông Nguyễn Ngọc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về vụ việc tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2281/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 4520/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm: 1981
Địa chỉ: 11/23 đường C, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trương Kim N, sinh năm: 1971
Quốc tịch: Australian (Úc).
Địa chỉ: 8 X 4077 Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Phan Thanh T:

Ngày 07 tháng 01 năm 2008, ông và bà Trương Kim N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ đăng ký kết hôn số 128 quyển số 01 ngày 11/01/2008.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Ông và bà N đã nhiều lần ngồi nói chuyện giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Năm 2011, ông trở về Việt Nam sinh sống, bà N vẫn ở lại Úc (Australia). Từ khi về Việt Nam, ông và bà N vẫn còn liên lạc. Từ cuối năm 2011 đến hiện nay, thì cả hai cắt đứt liên lạc. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, lại không có điều kiện gặp nhau để đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị được ly hôn với bà Trương Kim N ổn định cuộc sống riêng.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì bà Trương Kim N đang cư trú tại Úc (Australia).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Phan Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Thanh T, cho ông T được ly hôn với bà Trương Kim N. Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Phan Thanh T đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với bà Trương Kim N hiện đang sinh sống tại Úc (Australia). Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phan Thanh T tham gia phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 17 tháng 7 năm 2019 nhưng ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 13 tháng 8 năm 2018.

Đối với bà Trương Kim N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho bà Trương Kim N tại địa chỉ: 8 X 4077 Australia.

Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 627/UTTPDS-TA30 ngày 25 tháng 9 năm 2018. Theo nội dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 18/6/ 2019, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 17/7/2019.

Ngày 12/11/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản số 2651/CH-BTP ngày 30/10/2018 về việc thông báo là Bộ Tư pháp đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp đến Tòa án tối cao bang Queensland, Australia để tổng đạt giấy tờ đối với đương sự Trương Kim N.

Ngày 05/3/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Công văn số 464/BTP-PLQT ngày 22/2/2019 về việc thông báo kết quả việc ủy thác tư pháp đối với bị đơn bà Trương Kim N. Theo đó, tại văn bản số 19/456 ngày 15/12/2018 của Tòa án tối cao bang Queensland, Ô-xtrây-li-a (Australia) thông báo là đã thực hiện được thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn tại địa chỉ 8 X 4077 Australia bằng hình thức tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự. Đến ngày mở phiên tòa bà Trương Kim N không có mặt.

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Phan Thanh T có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phan Thanh T và bà Trương Kim N ngày 07/01/2018, vào sổ đăng ký kết hôn số 128 quyển số 01 ngày 11/01/2008 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông T trình bày, Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống hàng ngày. Năm 2011, ông trở về Việt Nam sinh sống, bà N vẫn ở lại Úc (Australia). Từ khi về Việt Nam, ông và bà N vẫn còn liên lạc. Từ cuối năm 2011 đến hiện nay, thì cả hai cắt đứt liên lạc. Vì thời gian xa cách kéo dài, hoàn

cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, hạnh phúc vợ chồng không còn.

Về phía bà Trương Kim N, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng cho bà theo đúng thủ tục luật định nhưng bà không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với cuộc hôn nhân này; Điều này cũng chứng tỏ là bà không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với ông T. Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống. Ông Phan Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bà Trương Kim N là có căn cứ chấp nhận, tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng sau này.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

-Về án phí dân sự sơ thẩm ông Phan Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Thông tư 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh T.

Quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thanh T được ly hôn với bà Trương Kim N.

Con chung: Không có

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Thanh T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được căn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí số 0044839 ngày 15/6/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày ông Phan Thanh T nhận tổng đạt hợp lệ bản án. Đối với bà Trương Kim N thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP. HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên